

Tư liệu văn bia chùa Phật Tích, Bắc Ninh

ISSN: 2734-9195

13:30 06/09/2026

Hầu hết bia ở đây được dựng vào thời Lê Trung hưng, trong khi một số chùa ở Bắc Ninh được dựng vào thời Nguyễn (chùa Đại Thành, chùa Linh Sơn, chùa Đồng Nhân,...).

Tác giả: **Nguyễn Quang Khải**

Nguyên Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh (cũ)

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 09/2026

Tóm tắt: Văn bia chùa Phật Tích giúp chúng ta biết được những nét chính về hành trạng của một số vị sư tổ đã từng tu hành ở chùa Phật Tích; sự minh bạch trong việc kê khai ruộng đất phục vụ cho việc thờ cúng các tổ được ghi trong các văn bia và hầu hết bia ở đây được dựng vào thời Lê Trung Hưng.

Tìm hiểu văn bia chùa Phật Tích, chúng ta cũng tìm thấy tư liệu về đời sống tín ngưỡng của giới quý tộc thời Lê Trung hưng; biết được tình hình sử dụng ruộng đất trong nhà chùa; hiểu được ý nghĩa giáo dục từ sự đề cao đạo lý hiếu nghĩa trong giới tăng sĩ; cảm nhận được tầm ảnh hưởng của chùa Phật Tích trong đời sống tinh thần của thế giới cung đình thời Lê Trung Hưng.

Từ khóa: Chùa Vạn Phúc, Diệu Tuệ, Mật Hạnh.

Chùa Phật Tích (tên chữ là 𡵓𡵓𡵓𡵓 Vạn Phúc thiền tự) thuộc làng Phật Tích xã Phật Tích tỉnh Bắc Ninh hiện có 17 văn bia, trong đó có 1 văn bia khắc lại bài thơ “Thư bút đặc tứ”, 2 bia hậu Phật, 1 văn bia khắc lại bản Sắc xây dựng tháp Linh Quang, 1 văn bia nói về việc xây dựng chùa Phật Tích. Số văn bia còn lại đều có nội dung nói về hành trạng các vị sư tổ đã từng tu hành tại chùa và các bia đó đều được dựng trong các tháp sư.



Chùa Phật Tích - Ảnh: Minh Khang

Tìm hiểu nội dung bia và nơi dựng bia, chúng tôi thấy văn bia ở đây có nhiều đặc điểm và giá trị tư liệu mà văn bia ở các nơi khác không có. Trong bài này, chúng tôi muốn làm rõ những đặc điểm và những giá trị đó của văn bia ở chùa Phật Tích tỉnh Bắc Ninh, nhằm thể hiện một góc nhìn về giá trị của chùa Phật Tích trong lịch sử.

1. Một số đặc điểm Văn bia chùa Phật Tích tỉnh Bắc Ninh

1.1. Hầu hết các văn bia được dựng trong các tháp sư và có nội dung nói về hành trạng các vị sư tổ chùa Phật tích

Trong nhiều chục năm tìm hiểu các ngôi chùa cổ ở tỉnh Bắc Ninh, chúng tôi thấy nhiều chùa có lượng tháp sư rất lớn: chùa Bách Tháp ở xã Nam Sơn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh cũ (43 tháp), chùa Bồ Đà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang cũ (56 tháp), chùa Tiêu Sơn, xã Tương Giang, Tp. Từ Sơn cũ (13 tháp),... nhưng những ngọn tháp có bia trong đó, hầu hết chỉ ghi pháp danh, ngày tháng năm sinh và ngày tháng viên tịch (ghi theo lịch Can Chi), rất ít có tháp có văn bia ghi hành trạng của vị tổ được an hài cốt (hoặc xá lý) ở tháp đó. Nhưng trong số hơn 30 ngọn tháp sư chùa Phật Tích có đến 14 ngọn tháp có an bia đá, và trong số các bia đó có đến 12 văn bia có nội dung nói về hành trạng các tổ hoặc có liên quan đến hành trạng của tổ.

Chẳng hạn, văn bia [] [] [] [] []

“Mật Hạnh thiền sư am ký” (1) có đoạn:

ngày tốt tháng năm Chính Hoà thứ 20 (1700).

1.2. Văn bia ở các tháp chùa Phật Tích thể hiện sự minh bạch về ruộng đất

Trong xã hội quân chủ, ở nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ, tài sản lớn nhất và quan trọng nhất trong xã hội là ruộng đất. Các vị tân khoa Tiến sĩ, được nhà vua đãi ngộ bằng cách ban cho một số ruộng đất để làm tư dinh; các quan văn võ có công được thăng thưởng phẩm hàm đều được ban bổng lộc bằng ruộng đất; cha mẹ chết đi, chia của cải cho con chủ yếu là chia ruộng đất; con gái lấy chồng được cha mẹ cho của hồi môn, thông thường là cho mấy mẫu ruộng để vợ chồng cày cấy,... Vì vậy, việc cúng ruộng vào chùa để gửi gắm cho cha mẹ, sự phụ của các vị tăng ni, phật tử chùa Phật Tích là chuyện phù hợp với tình hình chung của thời đại. Điều đáng chú ý ở đây là các văn bia khi đề cập số ruộng đất được bán cho người mua để người đó cúng vào chùa Phật Tích, thường được ghi chép rất minh bạch và tỷ mỉ. Cụ thể:

Văn bia Phố Quang tháp bi ký □□□□ (6) có ghi rõ số thửa ruộng mới bán cho người mua để cúng vào chùa:

The image displays a 10x10 grid of 100 squares. Each square is composed of a grid of smaller segments, some of which are black and others are white. The pattern of black segments varies across the grid, creating a complex visual code. The squares are arranged in 10 rows and 10 columns, with each square containing a unique combination of black and white segments.

□□□□□□□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□

:

□□□□□□

□□□□□□□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□□□□□□□

?□□□

,

□□□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□□□

□□□□

□□

□□□□□□□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□

Tạm dịch: - Hai giáp Đông Đoài thờ phụng tổ Nhị Tông giỗ ngày 20 tháng 3, ruộng 1 mẫu, người xã Trùng Minh là Nguyễn Tiến Kiêm vợ là Phạm Thị Tịch bán đứt một thửa ruộng 3 sào ở xứ Đồng Hoa (Đông, Đoài giáp ruộng bản xã, Nam, Bắc giáp ruộng xã Linh Minh). Người xã Cổ Miếu là Phạm Hữu Lễ vợ là Phạm Thị Liên bán đứt một thửa ruộng 2 sào ở xứ Bồ Hoàng (Đông giáp Thượng Diễm, Đoài giáp ruộng Khúc Đình Y, Nam giáp đường, Bắc giáp ruộng Tam bảo). Người xã Cổ Miếu là Nguyễn Thị Tấn bán đứt một thửa ruộng 2 sào (Đông giáp ruộng ông Cần, Bắc giáp ruộng dân. Một thửa 1 sào (Đông giáp ruộng ông Sồi, Đoài giáp ruộng Bá Phụng, Nam giáp ruộng dân, Bắc giáp ruộng nhà Vật). Một thửa 2 sào ở xứ Bờ Toạ (Đông giáp ruộng xã Nghĩa Chỉ, Đoài giáp ruộng Bá Phụng, Nam giáp ruộng nhà chùa, Bắc giáp ruộng Sai Vật).

Hương lão phụng sự bảo tháp, đến hai kỳ Sóc, Vọng hàng tháng cúng dàng gạo nếp, ruộng 2 mẫu do viên Đề lại xứ Kinh Bắc là Lê Công Can bán đứt một thửa ruộng 3 sào ở xứ Đồng Châu (Đông, Bắc giáp ruộng xã Thụ Triền, Đoài, Nam giáp ruộng Tam bảo). Một thửa 2 sào ở xứ Đồng Tàu thuộc địa phận xã Trùng Minh (Đông giáp ruộng xã Phật Tích, Bắc giáp ruộng xã Trùng Minh, Đoài Nam giáp ruộng xã Thụ Triền).

Người xã Trùng Minh là ngài Tư Lương bá Nguyễn Tiến Đạt bán đứt ba thửa ruộng cộng là 5 sào ở xứ Đồng Hoa (Đông giáp ruộng Trần Đức Duy, Đoài giáp ruộng xã Phật Tích, Nam giáp ruộng Nguyễn Văn Phần, Bắc giáp ruộng Tam bảo). Một thửa (Đông, Đoài giáp ruộng Tam bảo, Nam giáp ruộng xã Phật Tích, Bắc giáp ruộng bản chủ). Một thửa ở xứ Sâu (Đông, Đoài giáp ruộng xã Phật Tích, Nam giáp ruộng Nguyễn Hữu Lễ, Bắc giáp ruộng Tam bảo). Một thửa 1 sào, Đông giáp ruộng xã Cổ Miếu, Đoài giáp ruộng xã Trùng Minh, Nam giáp ruộng Nguyễn Duy Tinh, Bắc giáp ruộng xã Đông Sơn. Một thửa 1 sào 8 thước ở xứ Đồng Lâu, Đông Nam giáp ruộng xã Nghĩa Chỉ, Đoài giáp ruộng Đỗ Thế Các, Bắc giáp ruộng Ngô Văn Bảo.

Người thôn Phúc Nghiêm xã Trùng Minh là Nguyễn Phi Hựu vợ là Nguyễn Thị Tề bán đứt một thửa ruộng 4 sào 8 thước (Đông giáp ruộng Bấy Huy, Đoài giáp ruộng Nguyễn Ngọc Tất, Bắc giáp ruộng xã Lũng Triền).

- Người xã Vĩnh Phúc: Nguyễn Phàm bán đứt một thửa ruộng 1 sào ở xứ Đồng Hoa (Đông giáp ruộng Tam bảo, Đoài, Bắc giáp ruộng xã Trùng Minh; Nam giáp tiểu lộ).

- Vị tướng người xã Phật Tích là Nghiêm Lượng bán đứt một thửa ruộng 1 sào 8 thước ở xứ Đồng Hoa (Đông, Nam, Bắc giáp ruộng xã Trùng Minh, Đoài giáp ruộng nhà Hãn).

- Xã Trùng Minh có 3 người: Phạm Duy Nhất vợ là Đào Thị Đạm, người phụ nữ Nguyễn Thị Hào, Nguyễn Thị Động bán đứt 4 thửa ruộng cộng là 6 sào: một thửa 1 sào 8 thước ở xứ Bồ Vàng (Đông giáp ruộng xã Nghĩa Lộ, Đoài giáp ruộng xã Nghĩa Chỉ; Nam giáp ruộng xã Cổ Miếu, Bắc giáp tiểu lộ). Một thửa 2 sào (Đông giáp ruộng Văn Tuân, Đoài giáp ruộng nhà Mừng; Nam giáp đường, Bắc giáp Thượng Bang). Một thửa 1 sào 8 thước (Đông giáp ruộng nhà Trang, Đoài giáp ruộng Tam bảo; Nam giáp ruộng Đỗ Chinh, Bắc giáp ruộng Thượng Bang). Một thửa 1 sào 8 thước (Đông giáp ruộng nhà Trang, Đoài giáp ruộng Tam bảo, Nam giáp ruộng Đỗ Vãng - Bắc giáp ruộng Thượng Bang. Một thửa 2 sào ở xứ Đồng Sâu (Đông giáp ruộng Nguyễn Đức Sở, Đoài giáp ruộng xã Hoàng Xá; Nam giáp ruộng Nguyễn Phú Cường, Bắc giáp ruộng Nguyễn Đăng Thọ).

Từ đoạn trích trên đây, chúng ta thấy, sự minh bạch không chỉ là ghi rõ số mẫu, sào, thước, tấc mà còn ghi rõ 4 phía (Đông, Tây, Nam, Bắc) ruộng đó giáp ruộng của ai hoặc giáp đường đồng nào.

1.3. Các văn bia dựng trong tháp sư ở chùa Phật Tích hầu hết được khắc vào thời Lê Trung Hưng và nhiều bia không có hoa văn

Tìm hiểu văn bia ở nhiều ngôi cổ tự ở cùng đồng bằng Bắc bộ, như: chùa Đậu (Thường Tín, Hà Nội), chùa Bút Tháp (Thuận Thành, Bắc Ninh), chùa Keo (Nam Định), ...chúng tôi thấy ở những ngôi chùa đó có nhiều bia có niên đại thời Lê Trung hưng. Trường hợp văn bia chùa Phật Tích cũng như vậy: Đa số là văn bia thời Lê Trung hưng, nhưng có điểm đặc biệt là bia ở chùa Phật Tích hầu hết có kích thước có độ lớn vừa phải và nhiều bia không có hoa văn; một số bia chỉ có một mặt. Cụ thể:

1- Văn bia “Phụng tự đoạn bi ký /Phổ Quang tháp bi ký” □□□□ /□□□□
(7): 2 mặt,

kích thước: 47 x 90 cm, gồm 36 hàng chữ Hán và Nôm, toàn văn khoảng 600 chữ, không hoa văn, ký huý chữ “đề” , soạn vào năm Vĩnh Trị 5 đời vua Lê Hy

tông (1680).

2- Văn bia “Hiển Quang tháp ký” 顯光塔記 (8).

1 mặt, kích thước 72 x 76 cm, gồm 18 hàng chữ Hán, toàn văn khoảng 550 chữ, không hoa văn, không ký huý, soạn vào năm Vĩnh Trị thứ 5 đời vua Lê Hy Tông (1680)

3- Văn bia “Viên Quang tháp bi ký” 圓光塔碑記 (9).

1 mặt, kích thước 68 x 90 cm, gồm 22 hàng chữ Hán- Nôm, toàn văn khoảng 550 chữ, không hoa văn, ký huý, soạn vào năm Chính Hoà thứ 5 đời vua Lê Hy Tông (1684).

4- Văn bia “Vạn Phúc đại thiên tự bi” 萬福大天寺碑 / 萬福大天寺碑記 (10): 2 mặt, kích thước 110 x 170 cm, gồm 58 hàng chữ Hán và Nôm, toàn văn khoảng 2000 chữ, có hoa văn, không ký huý, do sinh đồ người xã Phật Tích soạn; Pháp Ấn hoà thượng viết chữ, soạn vào niên hiệu Chính Hoà thứ 7 đời vua Lê Hy Tông (1686).

5- Văn bia “Sắc kiến Linh Quang tháp” 靈光塔記 (11). 1 mặt, kích thước 50 x 89cm, gồm 2 dòng

chữ Hán, gồm 28 chữ, không hoa văn, không ký huý, soạn vào năm Chính Hoà 20 đời vua Lê Hy Tông (1699).

6- Văn bia “Thư bút đặc tứ” 書筆特四 (12). 1 mặt, kích thước: 35 x 58 cm, gồm 9 hàng chữ Hán- Nôm, toàn văn khoảng 180 chữ, không có hoa văn, không ký huý, soạn vào ngày lành tháng Kỷ Sửu (12) năm Cảnh Hưng thứ 16 đời vua Lê Hiển Tông (1755).

7- Văn bia “Mật Hạnh thiền sư am ký” 密行禪師庵記 (13). 1 mặt, kích thước 40 x 60 cm, gồm 26

hàng chữ Hán, toàn văn khoảng 750 chữ, có hoa văn, không ký huý, soạn vào năm Cảnh Hưng thứ 20 đời vua Lê Hiển Tông (1759), người soạn: Trình Nam Thành; người viết chữ: nhà sư Giác Tình.

8- Văn bia “Hậu Phật bi” 後佛碑 (14). 1 mặt, kích thước 27 x 49 cm, gồm 11 hàng chữ Hán, toàn văn khoảng 190 chữ, không hoa văn, không ký huý, soạn vào năm Cảnh Hưng 24 đời vua Lê Hiển Tông (1763).

9- Văn bia “Ma ha Sa di ni Nguyễn Quý thị hiệu Diệu Trí Thích Tuệ Nhật hóa thân Bồ tát tòa hạ”

 (15). 1 mặt, kích thước 46 x 47 cm, gồm 10 hàng chữ Hán- Nôm, khoảng 100 chữ, không có hoa văn, không có ký huý, soạn vào năm Quý Tỵ (1773?).

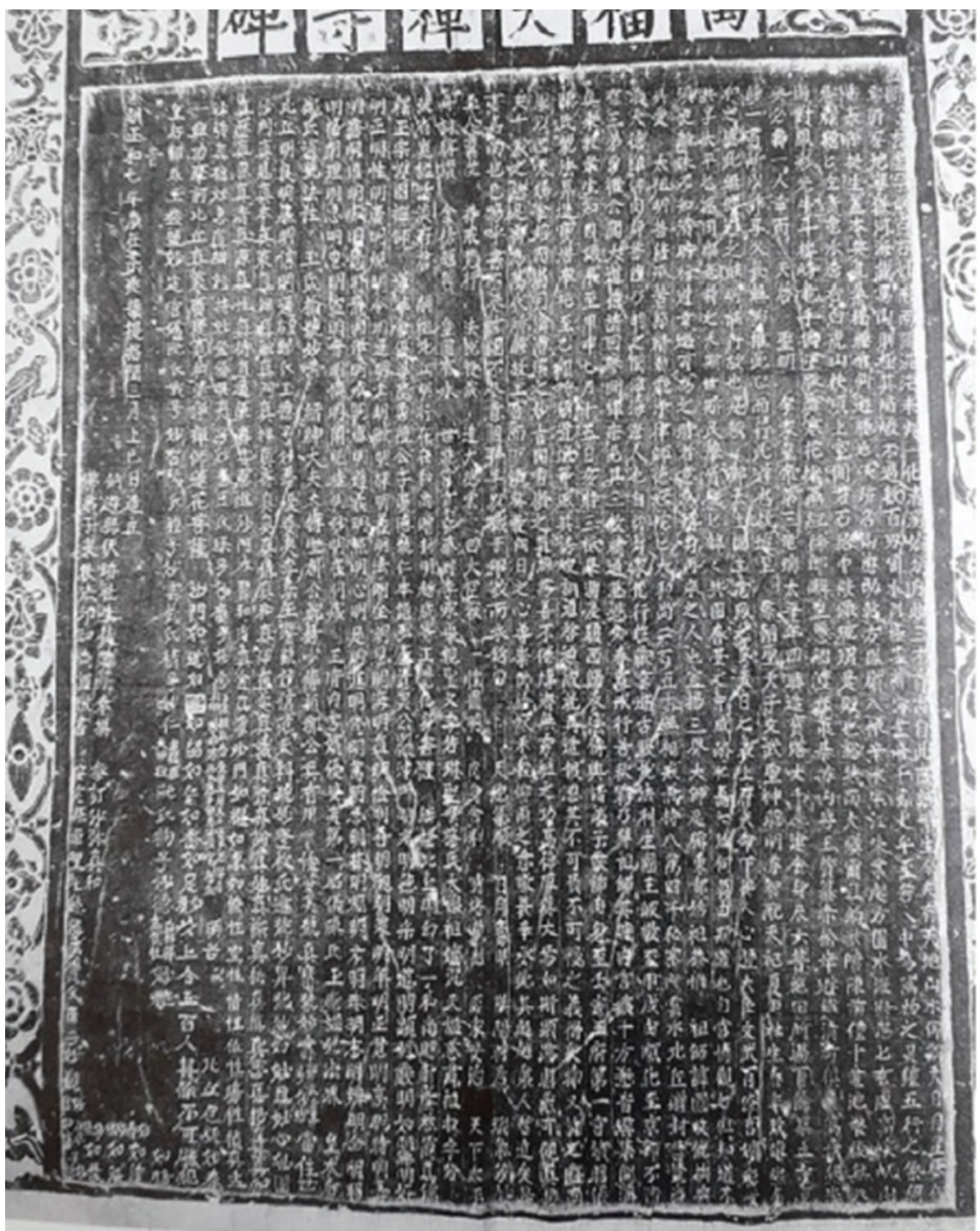
10- Văn bia “Phụng sự tông sư phụ mẫu điền ký” 卞卞 卞卞 (16). 1 mặt,
kích thước: 55

x 92 cm gồm 22 hàng chữ Hán, toàn văn khoảng 1000 chữ, không hoa văn, không ký huý, soạn vào năm Cảnh Hưng thứ 5 đời vua Lê Hiển Tông (1774), do TS khoa Đình Mùi, Gián nghị đại phu, Nghĩa phương hầu Nguyễn Vĩ soạn. Phạm Đăng Truyền, Thư toán khoa Tân Mão, chức vụ Lại phiên Điển thư Câu kê viết chữ.

11- “Phổ Quang tháp bi ký” 普光塔碑記 (17). 1 mặt, khổ 77 x 192 cm, gồm 40 hàng chữ Hán- Nôm, toàn văn khoảng 1000 chữ, không hoa văn, không ký huý Cảnh Trị 2 (1774)-Người soạn: Tưởng Quang Đình, người nước Minh, chức vụ Khu Tào dật sử.

12- Văn bia “Thiên Trúc tông liên hợp nghị để dung thông tự ký”
 (18).

1 mặt, kích thước 65 x 74 cm, gồm 18 hàng chữ Hán- Nôm, toàn văn khoảng 400 chữ, không hoa văn, không ký huý, soạn vào ngày lành tháng Mạnh Xuân năm Kỷ Mùi triều Lê.



Bia “Vạn Phúc đại thiên tự bi” chùa Phật Tích - Ảnh: Suu tầm

Số văn bia thời Nguyễn có 4 tấm. Cụ thể:

1- Văn bia “Phật hậu lập bi ký” [] (19).

4 mặt, kích thước 35 x 50 và 13 x 50 cm, gồm 37 hàng chữ Hán- Nôm, khoảng 1.080 chữ, không có hoa văn, không có ký huý, soạn vào năm Mậu Tý (1828?) do nhà sư Mật Hạnh soạn.

2- Văn bia “Vạn Phúc tự bi ký” [] (20). 2 mặt, kích thước 66 x 105 cm, gồm 29 hàng chữ Hán- Nôm, toàn văn khoảng 850 chữ, không hoa văn, không

ky huý, soạn vào năm Thiệu Trị thứ 6 (1846), do Vương Đình Chiếu hiệu Thanh Dương Diệu Phổ, quê xã Thanh Tôn huyện Hoàng Tín Thanh Hoá, cử nhân khoa Đinh Dậu (1837), Tri huyện Tiên Du, Ấn sát Hải Dương soạn; bản xã sĩ nhân Nguyễn Văn Quán viết chữ.

3- Văn bia “Vạn Phúc tự bi ký” □□□□ (21). 1 mặt, kích thước 52 x 140 cm, gồm 19 hàng chữ Hán- Nôm, bia bị vỡ đôi, có hoa văn, không ky huý, soạn vào thời Nguyễn.

4- Văn bia “Truy tiến bản sư ky nhật bi ký” □ □□□□□ (22). 1 mặt, kích thước 52 x 61 cm,

gồm 16 hàng chữ Hán- Nôm, khoảng 530 chữ, có hoa văn, không có ky huý, soạn vào năm Tự Đức thứ 8 (1855), do nhà sư Mật Hạnh soạn.

Từ những trình bày trên đây, chúng ta thấy văn bia chùa Phật Tích ở Bắc Ninh có một số đặc điểm. Những đặc điểm đó góp phần tạo nên sự chú ý của những người muốn tìm hiểu về ngôi chùa và góp phần tạo nên sự độc đáo của di tích.

2. Giá trị tư liệu của văn bia chùa Phật Tích tỉnh Bắc Ninh

2.1. Nội dung nhiều văn bia giúp chúng ta hiểu được đời sống tín ngưỡng của giới quý tộc thời Lê Trung hưng

Ở miền Bắc nước ta, vào thời Lê sơ (1428- 1527) và Lê Trung hưng (1533- 1788), song song với hiện tượng Nho giáo rất phát triển, thì Phật giáo cũng phát triển không kém. Nhiều thiền phái được kiến tạo hoặc được phục hưng và không ngừng phát huy thanh thế. Điều đó có được là nhờ có sự hỗ trợ của giới quý tộc và hoàng thân quốc thích. Tại một số tỉnh ở miền Bắc, nhiều cơ sở thờ tự Phật giáo được xây dựng với quy mô lớn với lối trúc rất bề thế, trang trí lộng lẫy như chùa Linh Cảm, chùa Phật Tích, chùa Bút Tháp, chùa Bồ Đà (Bắc Ninh), chùa Thành Đạo (Thường Tín, Hà Nội), chùa Keo (Thái Bình),...



Tượng linh thú trước chùa Phật Tích - Ảnh: Minh Khang

Điều đó có được là nhờ sự quan tâm của triều đình và giới quan chức cao cấp. Một số cung phi, một số công chúa đã xuống tóc đi tu. Có những vị quan chức cao cấp, ban đầu thì có thái độ công kích Phật giáo và giới tăng sĩ, nhưng sau khi tiếp cận và đàm đạo với tăng sĩ thì thay đổi hẳn thái độ và đã tu Phật. Đó là trường hợp Cồn Quận công và Dũng Lễ công (23). Số ruộng đất do các vị quan chức hoàng thân quốc thích, cung tần,... công đức vào chùa là rất lớn. Tại chùa Phật Tích, vào thời Lê, số ruộng có đến hơn 200 mẫu. Điều đó giúp chúng ta hiểu được ít nhiều đời sống tín ngưỡng của giới quý tộc thời Lê Trung hưng.

2.2. Văn bia chùa Phật Tích góp phần giúp chúng ta hiểu được đạo lý hiếu nghĩa của người xưa

Văn bia “Phụng sự tôn sư, phụ mẫu điền ký”

□□□□□□□□ (24) cho chúng ta biết: Đại tử khuu ni hiệu Minh Hành là người tu hành theo dòng Tào Khê về trụ trì chùa Phật Tích, tưởng nhớ đến các vị tổ sư và cha mẹ, bà đã mua khu ruộng ở xã Phật Tích gồm 1 mẫu 2 sào với giá tiền là 50 quan để hương đăng tiến cúng các vị tổ sư và cha mẹ bà tại chùa. Những người được cung kính dâng cúng cùng số ruộng cụ thể như sau:

[illegible]

Tạm dịch: -Cung kính dâng cúng tổ sư tháp Tịch Quang chùa Long Động núi Yên Tử được ban sắc Tăng thống Tuệ Đăng Chính Giác hoà thượng Chân Nguyên thiền sư hoá thân Bồ tát 10 mẫu ruộng;

- Cung kính dâng cúng đức Thánh phụ tự Phúc Lý, đản sinh ngày 15 tháng 11, giỗ ngày 15/ Giêng;

- Cung kính dâng cúng đức Thánh mẫu hiệu Thọ Phúc, đản sinh ngày 26 tháng 10, giỗ ngày 2/3;

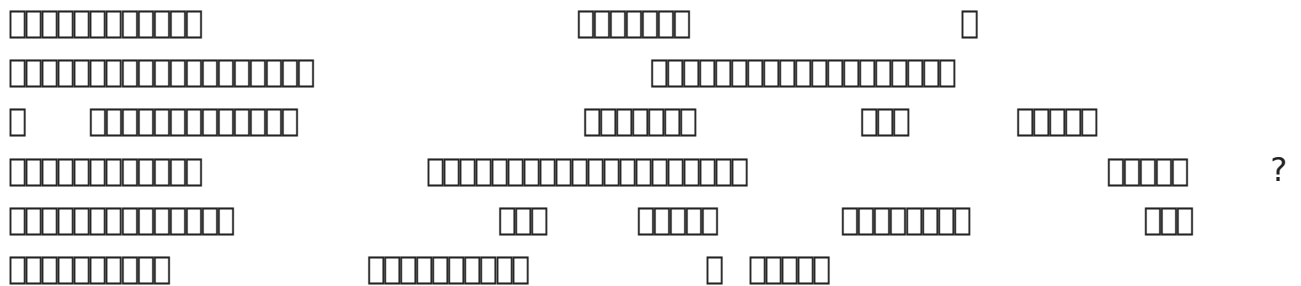
- Hầu cúng Thiên tông tổ sư Yên Tử Trúc Lâm Ma Ha tử khư tự Như Toà nhập định ngày 20 tháng 10; tự Như Thiệu nhập định ngày 7 tháng 2; tự Như Tuy, nhập định ngày 27 tháng 10; tự Như Như nhập định ngày 15 tháng 2;

- Hầu cúng Trịnh tướng công, được phong tặng Hùng Muu Dũng lược đại vương, giỗ ngày 14 / 7;

- Hầu cúng Vũ tôn công Trình đại tướng quân tư Như Tôn;

- Hầu cúng Vũ quý công tư Phúc Hậu, giỗ ngày 23 tháng 3.

Tại văn bia “Phụng tự đoạn bị ký”  (25) có đoạn:



Tạm dịch: Nguyên cổ tích đại danh lam Vạn Phúc thiền tự, đến đó vào năm thứ 7 niên hiệu Cảnh Trị triều Lê (1669) thiết kiến hoàng tôn đại tử khuru ni Diệu Tuệ, được sắc phong Thánh Thiện Bồ tát, vân du xứ xứ Linh Sơn thượng, luôn sùng Phật đạo. Người bản xã cúng dàng một toà tháp đá để xin được làm tôn tử. Nhân đó, hoàng tôn xây dựng một toà bảo tháp. Từ đó đến nay lại mua ruộng cộng được 3 mẫu 5 sào, giao cho bàn Hương lão giám sát việc cày cấy của tôn tử hai giáp Đông, Đoài xã Phật Tích. Hoa lợi của ruộng đó dùng để chi vào việc hương hoả thờ cúng bảo tháp. Mỗi tháng hai kỳ Sóc, Vọng biện xôi, oản 3 đấu, hương đăng trường tồn như nhật nguyệt. Ruộng đó, từ nay về sau, người trong xã từ 18 tuổi đến thượng cụ, nếu có người nào cày quyền thế cường hào tranh đoạt ruộng đó là có tội, xin hoàng thiên chư Phật tru diệt, tán thất nhân thân theo như đoạn này.

2.3. Nội dung văn bia giúp chúng ta hiểu được tầm ảnh hưởng của trung tâm Phật giáo Phật Tích đối với xã hội thời Lê-Trịnh

Chùa Phật Tích là một đại danh lam, có phong cảnh đẹp. Phong cảnh đó tạo cảm hứng sáng tác cho nhiều thi nhân mặc khách khi đến vãng cảnh chùa. Vào thời Trần, Chu Văn An có bài Nguyệt tịch bộ Tiên Du tùng kính ; Nguyễn Ước có bài Chu quá Bắc Giang Tiên Du tác ca ngợi cảnh chùa núi Tiên Du (chùa Phật Tích), nhưng hai bài đó đều là thơ chữ Hán. Đến thời Lê Trung hưng, vua Lê Hiến Tông, có bài thơ Nôm sáng tác vào ngày 25 tháng 7 năm Mậu Thìn (1748) tặng vị quan ngự y về hưu, được khắc lên bia vào ngày lành tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 16 (1755). Bài thơ đó nguyên văn như sau:

()

??

?

□□□□□□

□□□□□□

□ ?□□□□

□□□□ ?□□

□□□□□□

□ ?□□□□□

Phiên âm:

Thư bút đặc tứ (phụng tự trí sĩ thi)

Trung cần hai chữ vẫn chu toàn (tuyển)

Thành toại nay đà phỉ sở nguyên

Sơn thủy đồ phong dầu điểm tuyết

Kỳ anh tịch hợp điểm mại khuyển

Lãng vui há lãng niềm y quốc

Say đạo càng say cõi giáo Thiền

Miền miển hỡi kia câu ích tráng

Lộc trời, tước nước thủy miên miên.

Bài thơ Nôm của một vị hoàng đế tặng một vị quan ngự y trong triều đã về hưu có mối quan tâm đến cửa Thiền. Nội dung và câu chữ của bài thơ thể hiện mối tình thân của những người cùng có mối quan tâm đến Nho giáo và Phật giáo. Đây cũng là bài thơ hiếm có ở không gian Phật giáo Bắc Ninh.

Tóm lại, văn bia chùa Phật Tích tỉnh Bắc Ninh có một số đặc điểm và giá trị tư liệu quý so với văn bia ở một số chùa ở Bắc Ninh. Hầu hết bia ở đây được dựng vào thời Lê Trung hưng, trong khi một số chùa ở Bắc Ninh được dựng vào thời Nguyễn (chùa Đại Thành, chùa Linh Sơn, chùa Đồng Nhân,...).

Tác giả: **Nguyễn Quang Khải**

Nguyên Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh (cũ)

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 09/2026

Chú thích:

(1) In trong Tổng tập thác văn khắc Hán Nôm tập 3, mang ký hiệu 2181, có kích thước 40 x 60 cm, gồm 26 dòng chữ Hán, toàn văn có khoảng 750 chữ, có hoa văn, dựng vào năm Cảnh Hưng thứ 20 (1759) do Trịnh Nam Thành 鄭南成 soạn, nhà sư Giác Tính 覺性 viết chữ.

(2) Bia hiện có tại chùa Vạn Phúc xã Phật Tích. 1 mặt, khổ 72 x 76 cm, gồm 18 hàng chữ Hán, toàn văn khoảng 550 chữ, không hoa văn, ký huý. Niên đại: Vĩnh Trị 5 (1680). Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm tập 3 có ký hiệu: 2186.

(3) Bia hiện có tại chùa Vạn Phúc xã Phật Tích. 1 mặt, khổ 68 x 90 cm, gồm 22 hàng chữ Hán- Môn, toàn văn khoảng 550 chữ, không hoa văn, không ký huý. Niên đại: Chính Hoà 5 (1684). Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm tập 3 có ký hiệu: 2187.

(4) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2182.

(5) Bia hiện có tại chùa Vạn Phúc xã Phật Tích. 1 mặt, khổ 55 x 92 cm gồm 22 hàng chữ Hán Nôm, toàn văn khoảng 1000 chữ, không hoa văn, ký huý chữ . Niên đại: Cảnh Hưng 5 (1774). Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm tập 3 có ký hiệu: 2184.

(6) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2183-2184.

(7) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2186.

(8) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2187.

(9) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2146/2147.

(10) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2182.

(11) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2179.

(12) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2181.

(13) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2180.

(14) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 16, bia mang ký hiệu: 15.539.

(15) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2185.

(16) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2188.

(17) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 16, bia mang ký hiệu: 15.529.

(18) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 16, bia mang ký hiệu: 15.535/15536/15537/15538.

(19) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 16, bia mang ký hiệu: 15.530/15.531.

(20) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 16, bia mang ký hiệu: 15.533.

(21) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 16, bia mang ký hiệu: 15.534.

(22) Theo Nguyễn Quang Khải- Thích Nguyên Đạt (bản dịch, 2000), Chuyết tổ sư ngữ lục, NXB Thanh Hoá.

(23) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2185.

(24) Trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3, bia mang ký hiệu: 2183.

(25) Xin xem: Viện Văn học (1978), Thơ văn Lý- Trần tập 3, NXB Khoa học xã hội, tr. 39; 53.

Tài liệu tham khảo:

1] Nguyễn Quang Khải- Thích Nguyên Đạt (bản dịch, 2000), Chuyết chuyết tổ sư ngữ lục, NXB Thanh Hoá;

2] Viện Cao học thực hành- Viện nghiên cứu Hán Nôm- Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp (2005), Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm, tập 3 và tập 16, NXB Văn hoá- Thông tin;

3] Viện Văn học (1978), Thơ văn Lý Trần , tập III, NXB Khoa học Xã hội.